

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản
Đợt 3 năm 2019**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016;
Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng sắt đến năm 2020, có xét đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 2134/UBND-KT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về khu vực dự kiến đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Văn bản số 3282/BCT-CN ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Bộ Công Thương về quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản phục vụ đấu giá quyền khai thác khoáng sản quặng sắt mỏ Bắc Quý Xa;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tại Tờ trình số 30 /TTr-ĐCKS ngày 12 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản Đợt 3 năm 2019 (Có Kế hoạch chi tiết kèm theo).



Điều 2. Giao Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định đối với khu vực khoáng sản đã nêu tại Điều 1.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.


Chánh Văn phòng Bộ, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, TP, KH&ĐT, CT;
- UBND tỉnh Lào Cai;
- Công TTĐT: Bộ TNMT, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT, ĐCKS, Đ(20)

(Handwritten marks)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG
Ký bởi: Bộ Tài
nguyên và Môi
trường
Email:
btgmt@monre.gov.v
n
Cơ quan: Bộ Tài
nguyên và Môi
trường
Ngày ký: 19.09.2019
Trần Quý Kiên 17 +07:00



KẾ HOẠCH

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản Đợt 3 năm 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT
ngày tháng năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích:

- Nhằm đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoáng sản phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường đúng theo quy định của Luật khoáng sản năm 2010.

- Nhằm quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững, tăng hiệu quả kinh tế, giảm thiểu các tác động đến môi trường. Đồng thời phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

2. Yêu cầu:

- Khu vực khoáng sản được lựa chọn đưa ra đấu giá phải phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản đã được cơ quan chức năng phê duyệt.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đấu giá quy định tại Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II. Nội dung:

1. Khu vực khoáng sản đấu giá quyền khai thác khoáng sản Đợt 3 năm 2019: quặng sắt mỏ Bắc Quý Xa, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai (Có Phụ lục kèm theo).

2. Phương thức tiến hành: Tổ chức phiên đấu giá theo quy định tại Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số

54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014; Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014.

3. Thời gian thực hiện: trong năm 2019.

Trường hợp trong năm 2019 chưa thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo kế hoạch được phê duyệt, thì khu vực mỏ sẽ được chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong các năm tiếp theo.

4. Kinh phí thực hiện: Theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính và các văn bản liên quan.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm:

- Thông báo công khai danh mục khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá; thông tin cơ bản về điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản; các thông tin về cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Xác định giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước cho khu vực mỏ khoáng sản đưa ra đấu giá.

- Lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

2. Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản Quốc gia; Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; các Bộ: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai kịp thời phản ánh, gửi về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục**KHU VỰC KHOÁNG SẢN ĐÁU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
Đợt 3 năm 2019**

Tên khu vực khoáng sản	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 105, múi chiếu 6°		Diện tích
		X(m)	Y(m)	
Quặng sắt mỏ Bắc Quý Xa, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	1	2.449.159	423.655	Khu I (17,2 ha)
	2	2.449.255	423.807	
	3	2.449.017	423.968	
	4	2.448.569	424.366	
	5	2.448.559	424.272	
	6	2.448.812	423.923	
	7	2.448.764	423.792	
	8	2.448.613	423.758	
	9	2.448.367	424.061	Khu II (12,8 ha)
	10	2.448.071	424.033	
	11	2.448.035	424.101	
	12	2.447.845	424.097	
	13	2.447.720	423.997	
	14	2.448.613	423.758	
Tổng				30 ha